ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 12 /2016/QĐ-UBND	*Quảng Nam, ngày 25 tháng 5 năm 2016*

SỞ TƯ PHÁP QUẢNG NAM
ĐẾN Số: 1624
Ngày: 25-05-2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2016 - 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 113/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 /12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BNNPTNT ngày 28/4/2014 và Thông tư số 43/2014/TT-BNNPTNT ngày 18/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Danh mục con vật nuôi cao sản và Danh mục sản phẩm nông, lâm, thủy sản, sản phẩm phụ trợ, sản phẩm cơ khí để bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản được hỗ trợ theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thi hành Nghị định số 210/2013/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 30/2015/TT-BTC ngày 09/3/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập dự toán, thanh toán, quyết toán các khoản hỗ trợ theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 206/QĐ-BYT ngày 22/01/2015 của Bộ Y tế về ban hành Danh mục cây dược liệu ưu tiên phát triển, giai đoạn 2015 - 2020 theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 179/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII, kỳ họp lần thứ 15 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 80/TTr-SKHĐT ngày 17/3/2016, Công văn số 276/SKHĐT-HTĐT ngày 28/4/2016 và thống nhất của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp giao ban thường kỳ ngày 23/5/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Tư pháp; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, cá nhân và thủ trưởng cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Website Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC, NN&PTNT, Y tế (B/c);
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các TV UBND tỉnh;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- CPVP;
- Báo Q.Nam, Đài PTTH Q.Nam;
- TT Tin học-Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KTN, NC, VX, KTTH (Mỹ).

(D:\My\QuyetdinhPQ2005\qd khuyến khích đầu tư vào nong nghiệp, nông thôn 2016.doc)

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đinh Văn Thu

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2016 - 2020

(Kèm theo Quyết định số 12 /2016/QĐ-UBND ngày 23/ 5 /2016 của UBND tỉnh Quảng Nam)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2016 - 2020, gồm các lĩnh vực đầu tư, như sau:

1. Sản xuất nông nghiệp có liên kết với người dân.
2. Đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc tập trung.
3. Đầu tư vùng sản xuất rau, củ, quả an toàn hoặc theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP); xây dựng cơ sở chọn tạo và sản xuất giống rau, củ, quả thực phẩm, cây dược liệu, lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
4. Đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm.
5. Trồng các cây dược liệu trong Danh mục kèm theo Quyết định số 206/QĐ-BYT ngày 22/01/2015 của Bộ Y tế và trong vùng quy hoạch trồng cây dược liệu của tỉnh Quảng Nam.
6. Đầu tư nuôi trồng tập trung thủy sản trên hồ thủy điện, thủy lợi, sông, biển, ở khu vực đã được quy hoạch và sản xuất tôm giống.
7. Đầu tư cơ sở chế tạo, bảo quản, chế biến nông, thủy sản.
8. Đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp chế biến thủy, hải sản, sản xuất thức ăn chăn nuôi và đầu tư, kinh doanh kết cấu hậu cần nghề cá.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp được thành lập hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập theo Luật Hợp tác xã (gọi chung là doanh nghiệp) đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.
2. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan trong việc thực hiện Quy định này.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Tỉnh Quảng Nam hỗ trợ phần kinh phí đầu tư còn lại đối với những dự án được ngân sách Trung ương hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ và hỗ trợ đầu tư cho những dự án đáp ứng được những quy định của Quy định này.
2. Các dự án đã sử dụng vốn tín dụng ưu đãi, vốn bảo lãnh tính dụng của Nhà nước, dự án của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ không thuộc đối tượng hỗ trợ đầu tư theo Quy định này.

3. Ưu tiên hỗ trợ đầu tư đối với doanh nghiệp khi xây dựng vùng nguyên liệu có hợp đồng liên kết sản xuất nguyên liệu ổn định với người dân hoặc người dân góp vốn vào doanh nghiệp dưới các hình thức.

4. Ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư cho những dự án có mức hỗ trợ từ 02 tỷ đồng trở xuống và những dự án có mức hỗ trợ lớn hơn 02 tỷ đồng, nhưng không sử dụng ngân sách Trung ương được quy định tại Quy định này.

5. Vốn hỗ trợ của Trung ương và vốn hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh đối với những dự án đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ và Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, được xem như phần vốn đối ứng của doanh nghiệp. UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Kế hoạch và Đầu tư xác nhận phần vốn này để doanh nghiệp vay vốn đầu tư từ Ngân hàng Thương mại để thực hiện dự án.

6. Những dự án được tỉnh hỗ trợ kinh phí đầu tư theo Quy định này, doanh nghiệp không được chuyển mục tiêu của dự án và không được chuyển dự án cho các đối tác được quy định tại Khoản 2, Điều này. Trường hợp, doanh nghiệp vi phạm, UBND tỉnh sẽ thu hồi dự án và doanh nghiệp phải hoàn trả lại toàn bộ kinh phí đã hỗ trợ đầu tư.

7. Dự án có quy mô, điều kiện phù hợp với Quy định này thì đăng ký hỗ trợ đầu tư từ nguồn ngân sách tỉnh; dự án có quy mô và điều kiện phù hợp với Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ thì đăng ký hỗ trợ đầu tư theo quy định của Chính phủ. Doanh nghiệp có dự án chỉ đăng ký một lần, không được thay đổi đăng ký nguồn vốn hỗ trợ đầu tư.

8. Doanh nghiệp được hỗ trợ đầu tư phải đăng ký thành lập doanh nghiệp tại tỉnh Quảng Nam hoặc có Chi nhánh hạch toán độc lập đóng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

9. Các quy định về cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn của tỉnh Quảng Nam đối với doanh nghiệp đã được ban hành, nhưng sẽ hết hạn trước năm 2020 thì được gia hạn theo thời gian của Quy định này. Đối với cơ chế, chính sách của tỉnh có liên quan đến việc phát triển nông nghiệp, nông thôn nhưng không ghi thời điểm hết hạn thì thực hiện theo quy định của cơ chế, chính sách đó.

10. Đối với những dự án nằm trong các chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn của tỉnh Quảng Nam đã được quy định tại các cơ chế, chính sách do tỉnh ban hành được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo các quy định của cơ chế đó. Trường hợp, cùng một thời gian, nếu dự án đầu tư được hưởng nhiều mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư khác nhau của Nhà nước, của tỉnh thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư có lợi nhất, nhưng phải phù hợp với các quy định hiện hành.

CHƯƠNG II
HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Điều 4. Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp có liên kết với người dân

1. Điều kiện hỗ trợ:

a) Lĩnh vực sản xuất thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp, nông thôn kèm theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP và của Quy định này.

b) Dự án nằm trong quy hoạch được duyệt; trường hợp, dự án không nằm trong quy hoạch được duyệt thì phải có văn bản chấp thuận cho phép đầu tư của UBND tỉnh.

c) Bảo đảm về môi trường, an toàn phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm theo các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Quy mô dự án: Các dự án sản xuất nông nghiệp có quy mô từ 50 ha trở lên.

3. Mức hỗ trợ:

a) Liên kết với người dân có đất: Người dân được hỗ trợ 03 triệu đồng/ha.

b) Người dân hợp tác góp vốn bằng quyền sử dụng đất: Người dân được hỗ trợ 05 triệu đồng/ha.

Doanh nghiệp thực hiện dự án ứng trước tiền để chi hỗ trợ cho người dân theo quy định tại các điểm a và b, Khoản 3, Điều này; ngân sách tỉnh sẽ hoàn trả lại cho doanh nghiệp khi dự án được nghiệm thu, thanh quyết toán tiền hỗ trợ đầu tư.

Điều 5. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc tập trung

1. Điều kiện hỗ trợ:

a) Dự án nằm trong quy hoạch được duyệt; trường hợp, dự án không nằm trong quy hoạch được duyệt thì phải có văn bản chấp thuận cho phép đầu tư của UBND tỉnh.

b) Bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật hiện hành.

c) Doanh nghiệp phải sử dụng tối thiểu 30% lao động tại địa phương.

2. Quy mô dự án:

a) Dự án có quy mô chăn nuôi thường xuyên tập trung từ 500 con đến dưới 1.000 con đối với lợn thịt hoặc từ 250 con đến dưới 500 đối với trâu, bò, dê, cừu thịt hoặc từ 150 con đến dưới 200 con đối với bò thịt cao sản nhập ngoại hoặc từ 250 con đến dưới 500 con đối với bò sữa cao sản.

b) Riêng, đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, dự án có quy mô chăn nuôi thường xuyên tập trung từ 400 con đến dưới 1.000 con đối với lợn thịt hoặc từ 200 con đến dưới 500 đối với trâu, bò, dê, cừu thịt hoặc từ 100 con đến dưới 200 con đối với bò thịt cao sản nhập ngoại hoặc từ 200 con đến dưới 500 con đối với bò sữa cao sản.

3. Các khoản hỗ trợ và mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt là 100 triệu đồng/ha, nhưng tối đa là 500 triệu đồng/dự án.

b) Hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng trong hàng rào về xử lý chất thải, điện, nước: Tối đa là 02 tỷ đồng/dự án.

c) Hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng ngoài hàng rào (đến chân hàng rào) dự án về giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước: Tối đa là 03 tỷ đồng/dự án.

d) Các cơ sở chăn nuôi gia công cho các doanh nghiệp khác chỉ được hưởng hỗ trợ đầu tư tối đa bằng 60% tổng mức đầu tư, nhưng không quá 02 tỷ đồng để xây dựng hạ tầng xử lý chất thải, điện, nước trong hàng rào dự án.

Điều 6. Hỗ trợ đầu tư vùng sản xuất rau, củ, quả an toàn hoặc theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP); xây dựng cơ sở chọn tạo và sản xuất giống rau, củ quả thực phẩm, cây dược liệu, lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao

1. Điều kiện hỗ trợ: Dự án nằm trong quy hoạch được duyệt; trường hợp, dự án không nằm trong quy hoạch được duyệt thì phải có văn bản chấp thuận cho phép đầu tư của UBND tỉnh.

2. Quy mô dự án: Dự án sản xuất tập trung có quy mô từ 10ha trở lên.

3. Các khoản hỗ trợ và mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt là 100 triệu đồng/ha, nhưng tối đa là 500 triệu đồng/dự án.

b) Hỗ trợ tối đa 01 tỷ đồng/dự án để đầu tư xây dựng nhà xưởng và lắp đặt thiết bị, hệ thống tưới nước tự động, đóng gói, bảo quản sản phẩm.

c) Hỗ trợ tối đa 20 triệu đồng/ha để thuê tổ chức đánh giá và cấp giấy chứng nhận sản phẩm an toàn.

d) Hỗ trợ đầu tư xây dựng đường giao thông trục chính nội đồng, hệ thống thủy lợi, điện, hệ thống xử lý chất thải; hệ thống cấp, thoát nước tối đa là 02 tỷ đồng/dự án.

Trường hợp, doanh nghiệp có liên kết với người dân để có thêm diện tích thì người dân được hưởng chính sách hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Khoản 1, Điều 4 của Quy định này.

Điều 7. Hỗ trợ đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm

1. Điều kiện hỗ trợ:

a) Dự án nằm trong khu quy hoạch giết mổ gia súc, gia cầm tập trung công nghiệp được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; trường hợp, chưa có quy hoạch được duyệt thì phải có văn bản chấp thuận cho phép đầu tư của UBND tỉnh.

b) Bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn phòng, chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật về thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

c) Doanh nghiệp phải sử dụng tối thiểu 30% lao động tại địa phương.

2. Quy mô dự án và mức hỗ trợ:

a) Quy mô: Đối với dự án đầu tư mới phải có công suất giết mổ một ngày - đêm đạt tối thiểu là 100 con gia súc hoặc 1.000 con gia cầm hoặc 50 con gia súc và 500 con gia cầm. Riêng, đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, công suất giết mổ một ngày - đêm phải đạt tối thiểu là 30 con gia súc hoặc 300 con gia cầm hoặc 15 con gia súc và 150 con gia cầm. Mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng trong hàng rào dự án về xử lý chất thải, điện, nước: Tối đa là 01 tỷ đồng/dự án.

- Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng ngoài hàng rào (đến chân hàng rào) dự án về giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước: Tối đa là 02 tỷ đồng/dự án.

b) Đối với dự án cải tạo, nâng cấp cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung phải có công suất giết mổ một ngày - đêm đạt tối thiểu là 50 con gia súc hoặc 500 con gia cầm hoặc 25 con gia súc và 250 con gia cầm. Mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng trong hàng rào dự án: Hỗ trợ 50% tổng mức đầu tư, nhưng tối đa là 300 triệu đồng/dự án để cải tạo, nâng cấp kết cấu hạ tầng về điện, nước, nhà xưởng, xử lý chất thải và mua thiết bị.

- Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng ngoài hàng rào (đến chân hàng rào) dự án về đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước: Tối đa là 01 tỷ đồng/dự án.

Điều 8. Hỗ trợ trồng các cây dược liệu trong Danh mục kèm theo Quyết định số 206/QĐ-BYT ngày 22/01/2015 của Bộ Y tế và trong vùng quy hoạch trồng cây dược liệu của tỉnh Quảng Nam

1. Điều kiện hỗ trợ:

a) Dự án nằm trong quy hoạch được duyệt; trường hợp, chưa có quy hoạch được duyệt thì phải có văn bản chấp thuận cho phép đầu tư của UBND tỉnh.

b) Dược liệu nằm trong danh mục quy định ưu tiên và khuyến khích phát triển của Bộ Y tế.

c) Doanh nghiệp phải sử dụng tối thiểu 30% lao động tại địa phương.

2. Quy mô dự án và mức hỗ trợ:

a) Quy mô: Dự án đầu tư có diện tích từ 40 ha trở lên.

b) Mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ 30% chi phí cây giống, nhưng tối đa là 01 tỷ đồng/dự án.

- Hỗ trợ 01 tỷ đồng để đầu tư kết cấu hạ tầng về đường giao thông trục chính, điện, nước trong khu vực dự án.

Điều 9. Hỗ trợ đầu tư nuôi trồng thủy sản tập trung trên hồ thủy điện, thủy lợi, sông, biển, ở khu vực đã được quy hoạch và sản xuất tôm giống

1. Điều kiện hỗ trợ:

a) Dự án nằm trong quy hoạch được duyệt; trường hợp, chưa có quy hoạch được duyệt thì phải có văn bản chấp thuận cho phép đầu tư của UBND tỉnh.

b) Bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành của pháp luật.

c) Doanh nghiệp phải sử dụng tối thiểu 30% lao động tại địa phương.

2. Quy mô dự án và mức hỗ trợ:

a) Dự án nuôi trồng thủy sản tập trung trên hồ thủy điện, thủy lợi, sông, biển có quy mô từ 20 lồng nuôi trở lên (mỗi lồng nuôi từ 60m^3 trở lên): mức hỗ trợ 15 triệu đồng/lồng nuôi, nhưng tối đa là 01 tỷ đồng/dự án.

b) Dự án nuôi tôm thâm canh theo tiêu chuẩn GAP có quy mô từ 20ha trở lên. Mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt là 100 triệu đồng/ha, nhưng tối đa là 500 triệu đồng/dự án.

- Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng trong hàng rào dự án về xử lý chất thải, điện, cấp thoát nước: Tối đa là 02 tỷ đồng/dự án.

Điều 10. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chế tạo, bảo quản, chế biến nông, thủy sản

1. Điều kiện hỗ trợ:

a) Bảo đảm tiêu chuẩn an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và quy mô công suất tối thiểu theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

b) Dự án nằm trong quy hoạch được duyệt; trường hợp, chưa có quy hoạch được duyệt thì phải có văn bản chấp thuận cho phép đầu tư của UBND tỉnh.

c) Bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Quy mô dự án và mức hỗ trợ:

a) Dự án có giá trị sản phẩm sau chế biến tăng ít nhất 2 lần so với giá trị nguyên liệu thô ban đầu và có doanh thu không thấp hơn 30 tỷ đồng/năm; sử dụng tối thiểu 30% lao động và 60% nguyên liệu nông, thủy sản chính tại địa phương; dự án đầu tư đúng theo quy định tại Thông tư số 43/2014/TT-BNNPTNT ngày 18/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Danh mục sản phẩm nông, lâm, thủy sản, sản phẩm phụ trợ, sản phẩm cơ khí để bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP. Mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng trong hàng rào dự án về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước: Tối đa là 01 tỷ đồng/dự án.

- Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng ngoài hàng rào (đến chân hàng rào) dự án về giao thông, điện, nước: Tối đa là 02 tỷ đồng/dự án.

b) Dự án gắn kết với việc đầu tư vùng nguyên liệu hoặc liên kết, hợp tác với người dân đầu tư vùng nguyên liệu được hỗ trợ chi phí vận chuyển nguyên liệu từ vùng nguyên liệu đến nhà máy là 500 đồng/tấn/km và khoảng cách tối đa 50km trên một lần vận chuyển; kinh phí được hỗ trợ hằng năm và thời gian hỗ trợ không quá 03 (ba) năm.

Điều 11. Hỗ trợ đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp chế biến thủy, hải sản, sản xuất thức ăn chăn nuôi và đầu tư, kinh doanh kết cấu hậu cần nghề cá

1. Điều kiện hỗ trợ:

a) Ưu tiên cho những doanh nghiệp có năng lực tài chính đảm bảo thực hiện dự án, có báo cáo kiểm toán 05 năm liền kề gần nhất, có kinh nghiệm trong việc đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng.

b) Doanh nghiệp được UBND tỉnh chấp thuận cho phép đầu tư hoặc trúng thầu đầu tư dự án (nếu có nhiều doanh nghiệp cùng tham gia đầu tư vào một dự án).

c) Doanh nghiệp cam kết hoàn thành việc đầu tư kế cấu hạ tầng trong vòng 24 tháng, kể từ ngày UBND tỉnh ban hành quyết định chủ trương đầu tư.

2. Quy mô dự án và mức hỗ trợ:

a) Dự án đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp chế biến thủy, hải sản, sản xuất thức ăn chăn nuôi có quy mô diện tích từ 20ha đến dưới 50ha/cụm. Mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng trong hàng rào dự án về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước: Tối đa là 05 tỷ đồng/cụm.
- Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng ngoài hàng rào (đến chân hàng rào) dự án về giao thông, điện, nước: Tối đa là 10 tỷ đồng/cụm.

b) Dự án đầu tư kinh doanh kết cấu hậu cần nghề cá. Mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng trong hàng rào dự án về xử lý chất thải, giao thông, nhà kho đông lạnh, điện, nước: Tối đa là 15 tỷ đồng/dự án.
- Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng ngoài hàng rào (đến chân hàng rào) dự án về giao thông, điện, nước: Tối đa là 05 tỷ đồng/dự án.

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan và UBND cấp huyện nơi có dự án tham mưu trình UBND tỉnh ban hành quy định về quy mô của mỗi dự án đầu tư kinh doanh kết cấu hậu cầu nghề cá.

Điều 12. Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường và áp dụng khoa học công nghệ

Điều kiện và mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 9, Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ.

Điều 13. Nguồn vốn và thời gian thực hiện

1. Nguồn hỗ trợ đầu tư cho các dự án khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được bố trí từ nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách tỉnh; vốn lồng ghép từ các chương trình dự án; ngân sách của tỉnh và vốn hợp pháp khác.

2. Thời gian thực hiện: 2016 - 2020.

Điều 14. Lựa chọn hình thức hỗ trợ

Doanh nghiệp được lựa chọn một trong hai hình thức hỗ trợ sau:

1. Hình thức thực hiện theo quy trình đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành: Nội dung hỗ trợ phải được UBND tỉnh phê duyệt thiết kế, dự toán hạng mục, công trình hoặc phê duyệt thiết kế tổng dự toán của cả dự án trước khi triển khai.

2. Hình thức tự thực hiện: Doanh nghiệp tự phê duyệt thiết kế và dự toán theo quy định hiện hành của Nhà nước; tự phân chia hạng mục đầu tư, gói thầu; tự tổ chức thực hiện nội dung hỗ trợ (có thể thuê nhà thầu hoặc không thuê nhà thầu). Doanh nghiệp được thanh toán theo mức hỗ trợ quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

CHƯƠNG III
HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Điều 15. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư

1. Để được hỗ trợ đầu tư, doanh nghiệp có dự án cần nộp bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1, Điều 4, Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ, như sau:

a) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

b) Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có) hoặc quyết định chủ trương đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư kèm theo báo cáo tình hình và kết quả thực hiện dự án từ khi bắt đầu hoạt động đến thời điểm đề nghị hỗ trợ đầu tư (đối với trường hợp dự án đã triển khai).

Trường hợp, dự án chưa được cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, doanh nghiệp nộp các giấy tờ liên quan về đất đai của dự án (nếu có) và giải trình kinh tế - kỹ thuật về: mục tiêu, quy mô, địa điểm đầu tư, công nghệ; vốn đầu tư, trong đó giải trình rõ về các khoản kiến nghị hỗ trợ đầu tư.

c) Bản đề nghị hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, trong đó giải trình lý do và cách tính các khoản đề nghị hỗ trợ đầu tư theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Doanh nghiệp có dự án đầu tư thuộc đối tượng tại Quy định này nộp 08 bộ hồ sơ (trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc, các bộ hồ sơ còn lại được đóng dấu giáp lai của doanh nghiệp thực hiện) gởi theo đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam.

3. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin ghi trong hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư.

Điều 16. Trình tự, thủ tục quyết định hỗ trợ đầu tư

1. Sau khi doanh nghiệp nộp đủ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1, Điều 15 của Quy định này, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan: Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án và cơ quan chuyên ngành liên quan hoặc Ban Quản lý các khu công nghiệp, Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai (đối với dự án nằm trong khu công nghiệp, Khu kinh tế mở Chu Lai).

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư; các cơ quan nêu tại Khoản 1, Điều này theo chức năng, nhiệm vụ có ý kiến thẩm tra nội dung, trả lời bằng văn bản cho Sở Kế hoạch và Đầu tư và chịu trách nhiệm về những ý kiến của đơn vị.

3. Nội dung thẩm tra đề nghị hỗ trợ đầu tư:

a) Dự án đầu tư thuộc đối tượng quy định tại Điều 2 của Quy định này.

b) Dự án đầu tư đáp ứng các điều kiện được hỗ trợ đầu tư theo Quy định này.

c) Rà soát các khoản hỗ trợ đầu tư mà doanh nghiệp đề nghị theo Quy định này.

4. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày hết thời hạn nhận ý kiến trả lời của các cơ quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp ý kiến và căn cứ khả năng cân đối ngân sách đối với đề nghị hỗ trợ đầu tư của doanh nghiệp, lập báo cáo thẩm tra trình UBND tỉnh quyết định hỗ trợ đầu tư cho dự án.

5. Trường hợp, có nhiều ý kiến khác nhau, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức họp thẩm tra trước khi trình UBND tỉnh.

CHƯƠNG IV
NGHIỆM THU HOÀN THÀNH

Điều 17. Nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư, gói thầu của dự án

1. Doanh nghiệp và nhà thầu (nếu có) tự nghiệm thu và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung nghiệm thu.

2. Đối với những dự án đáp ứng đủ điều kiện được hỗ trợ từ nguồn ngân sách của tỉnh, sau khi hoàn thành tự nghiệm thu, doanh nghiệp lập hồ sơ gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của doanh nghiệp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan kiểm tra, nghiệm thu và lập biên bản nghiệm thu, xác nhận khối lượng hoàn thành hạng mục đầu tư, gói thầu của dự án.

Trường hợp, hạng mục đầu tư, gói thầu phức tạp về kỹ thuật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn mời thêm cơ quan chuyên ngành tham gia nghiệm thu.

Mỗi thành viên tham gia nghiệm thu được giữ 01 bản, doanh nghiệp giữ 02 bản để làm việc với Kho bạc Nhà nước giải ngân kinh phí hỗ trợ.

Điều 18. Nghiệm thu dự án hoàn thành

1. Hồ sơ nghiệm thu được thực hiện theo quy định tại Điều 7, Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, gồm:

a) Văn bản đề nghị của doanh nghiệp (bản chính).

b) Quyết định hỗ trợ đầu tư của UBND tỉnh.

c) Quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán theo thẩm quyền quy định tại khoản 16, Điều 3, Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

d) Hợp đồng mua bán (trừ trường hợp mua bán hàng hóa).

đ) Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, chứng nhận chất lượng hàng hóa (nếu là hàng hóa nhập khẩu).

e) Báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài/dự án sản xuất thử nghiệm (đối với sản phẩm khoa học công nghệ).

2. Doanh nghiệp nộp 03 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1, Điều này (trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc) gởi theo đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (cơ quan chủ trì nghiệm thu).

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm mời đại diện Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, cơ quan chuyên ngành liên quan, UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án, Ban Quản lý các khu công nghiệp, Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai (nếu dự án nằm trong khu công nghiệp hoặc Khu kinh tế mở Chu Lai) và người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tiến hành nghiệm thu dự án hoàn thành.

4. Nội dung nghiệm thu: Kiểm tra hồ sơ nghiệm thu; xác nhận khối lượng hoàn thành; kiểm tra việc thực hiện dự án theo các quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ, Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Quy định này.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập biên bản nghiệm thu dự án hoàn thành, có chữ ký của các đại diện tham gia nghiệm thu; mỗi thành viên tham gia nghiệm thu được giữ 01 bản, doanh nghiệp giữ 02 bản.

CHƯƠNG V
GIÁM SÁT ĐẦU TƯ, THANH TOÁN, QUYẾT TOÁN, QUẢN LÝ KHOẢN HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Điều 19. Giám sát đầu tư và chế độ báo cáo

1. Các cơ quan chuyên môn và UBND cấp huyện liên quan giám sát việc triển khai thực hiện Quy định này, kiểm tra việc quản lý, sử dụng các khoản hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp, doanh nghiệp thực hiện không đúng nội dung được hỗ trợ đầu tư, không đúng tiến độ thực hiện dự án theo quy định tại Quy định này, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định thu hồi phần hỗ trợ đầu tư của nội dung mà doanh nghiệp thực hiện không đúng hoặc thu hồi toàn bộ kinh phí hỗ trợ đầu tư và nộp vào ngân sách tỉnh hoặc điều chuyển hỗ trợ cho dự án khác đã có quyết định hỗ trợ đầu tư.

3. Khi hoàn thành đầu tư dự án, doanh nghiệp lập báo cáo giám sát, đánh giá thực hiện đầu tư dự án theo quy định tại Nghị định số 113/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh.

Điều 20. Thanh toán, quyết toán, quản lý khoản hỗ trợ đầu tư

Việc thanh toán, quyết toán và quản lý các khoản hỗ trợ đầu tư cho dự án thực hiện theo quy định tại Thông tư số 30/2015/TT-BTC ngày 09/3/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, thanh toán, quyết toán các khoản hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ.

CHƯƠNG VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm của các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính dự kiến cân đối ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư hằng năm và trung hạn báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định tổng mức vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đối với các dự án đầu tư theo Quy định này, như sau:

a) Sau khi có tổng mức vốn ngân sách hỗ trợ đầu tư, căn cứ khả năng thực hiện của dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập danh mục dự án và dự kiến phân bổ vốn hỗ trợ đầu tư cho từng dự án, báo cáo UBND tỉnh.

b) Tiếp nhận hồ sơ của doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ đầu tư và lập báo cáo thẩm tra trình UBND tỉnh quyết định hỗ trợ cho các dự đầu tư theo Quy định này.

c) Thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh ủy quyền về việc xác nhận phần vốn của Trung ương và của tỉnh hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp, để doanh nghiệp vay vốn từ Ngân hàng Thương mại để thực hiện dự án.

d) Kiểm tra, tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh tiến độ thực hiện dự án, tiến độ hoàn thành các hạng mục đã được cấp hỗ trợ đầu tư, tình hình giải ngân cho dự án hoặc từng hạng mục được hỗ trợ.

đ) Phối hợp, theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc thì tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

2. Sở Tài chính phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh trong kế hoạch kinh tế - xã hội hằng năm. Tiếp nhận hồ sơ, thủ tục thanh toán, quyết toán do doanh nghiệp nộp theo quy định tại Thông tư số 30/2015/TT-BTC ngày 09/3/2015 của Bộ Tài chính.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức nghiệm thu, xác nhận khối lượng hoàn thành hạng mục đầu tư, gói thầu; nghiệm thu hoàn thành dự án được hỗ trợ đầu tư.

4. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm chủ trì xác nhận khối lượng hoàn thành hạng mục đầu tư, gói thầu; nghiệm thu hoàn thành dự án đối với những dự án về khoa học công nghệ được hỗ trợ đầu tư.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm cân đối quỹ đất dành cho các dự án khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

6. UBND cấp huyện, Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai, Ban Quản lý các khu công nghiệp: Hằng năm, lập danh mục dự án kêu gọi, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; lập dự trù ngân sách hỗ trợ đầu tư cho các dự án; tổng hợp gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.

7. Các cơ quan liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp và thẩm tra, có ý kiến bằng văn gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư theo yêu cầu.

Điều 22. Quy định chuyển tiếp

Không áp dụng hỗ trợ đầu tư theo quy định này đối với những dự án đã được quyết định chủ trương đầu tư hoặc cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước ngày 01/01/2016./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đinh Văn Thu

